

Nội dung bài viết

1. [Soan Tiếng Anh 12 Unit 6: Getting started trang 6, 7 Sách mới](#)

Unit 6: Endangered species

Soạn Tiếng Anh 12 Unit 6: Getting started trang 6, 7 Sách mới

1. Mr Willis is talking to his two children about a new wildlife park. Listen and read.

(Ông Willis đang nói chuyện với hai đứa con của mình về một công viên động vật hoang dã mới. Nghe và đọc.)

Nội dung bài nghe:

Mr Willis: Lisa, Simon, I've just heard some good news.

Simon: What's it about, Dad?

Mr Willis: It was announced on TV that a new wildlife park will open to the public next week. Would you like to visit it?

Lisa: Sure. Will there be any dinosaurs there, Dad?

Simon: They're extinct species. Lisa. The last dinosaurs died out millions of years ago.

Mr Willis: That's right. You can't find extinct animals there.

Lisa: So what can we see in the wildlife park then?

Mr Willis: Animals in danger of extinction like tigers and rhinoceros.

Simon: Will there be any endangered trees and plants? I have a biology assignment about endangered plant species.

Mr Willis: I'm afraid not. But a friend of mine, Tracy, might be able to help you.

Simon: Tracy? Yes, I remember her. She's a biologist. Where's she working?

Mr Willis: At the Botanical Gardens. You can find lots of interesting facts there.

Simon: Sounds good. Thanks, Dad. So let's visit the wildlife park next Saturday morning, and then go to the Botanical Gardens in the afternoon on the way back home. Hopefully, I'll have gathered enough information by Sunday, so I can start working on my assignment next week.

Lisa: It'll be so tiring! We'll have walked for hours by the time we get to the Botanical Gardens.

Mr Willis: Don't worry. We'll drive through the park.

Lisa: Oh really? That'll be fun. Are we allowed to have a picnic or build a campfire there, Dad?

Mr Willis: No, I'm afraid not. That may scare the animals and pollute the air. The more noise and smoke you make, the less safe the environment becomes for the animals.

Lisa: I see ... Can I ask some friends to join us?

Mr Willis: Sure. The more the merrier.

Hướng dẫn dịch

Ông Willis: Lisa, Simon, Tôi vừa nghe một vài tin vui.

Simon: Có chuyện gì vậy, ba?

Ông Willis: Đã được thông báo trên truyền hình rằng một công viên động vật hoang dã mới sẽ mở cửa cho công chúng vào tuần tới. Bạn có muốn ghé thăm nó?

Lisa: Chắc chắn. Liệu có những con khủng long ở đó, bố à?

Simon: Họ đã tuyệt chủng, Lisa. Những con khủng long cuối cùng đã chết cách đây hàng triệu năm.

Ông Willis: Đúng rồi. Bạn không thể tìm thấy động vật đã tuyệt chủng ở đó.

Lisa: Vì vậy, những gì chúng ta có thể nhìn thấy trong công viên động vật hoang dã sau đó?

Ông Willis: Động vật có nguy cơ tuyệt chủng, như hổ và tê giác.

Simon: Liệu có những cây cối và cây cối nguy hiểm? Tôi có bài tập sinh học về các loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Ông Willis: Tôi không sợ. Nhưng một người bạn của tôi, Tracy, có thể giúp bạn.

Simon: Tracy? Vâng, tôi nhớ cô ấy. Cô ấy là một nhà sinh vật học. Cô ấy đang làm việc ở đâu?

Ông Willis: Tại Vườn Bách Thảo. Bạn có thể tìm thấy rất nhiều sự kiện thú vị ở đó.

Simon: Nghe hay. Cảm ơn bố. Vì vậy, hãy ghé thăm công viên động vật hoang dã vào sáng thứ bảy, và sau đó đi đến Vườn Bách Thảo vào buổi chiều trên đường về nhà. Hy vọng rằng, tôi sẽ thu thập được đủ thông tin vào Chủ nhật, vì vậy tôi có thể bắt đầu làm việc trong tuần tới.

Lisa: Nó sẽ rất mệt mỏi! Chúng tôi sẽ đi bộ hàng giờ đồng hồ khi chúng tôi đến Vườn Bách Thảo.

Ông Willis: Đừng lo. Chúng tôi sẽ lái xe qua công viên.

Lisa: Oh thật chứ? Đó sẽ là niềm vui. Chúng ta có được đi dã ngoại hay xây một cái trại ở đó, bố à?

Ông Willis: Không, tôi sợ không. Đi đâu đó có thể làm sợ động vật và gây ô nhiễm không khí. Bạn càng ồn ào và khói thuốc, môi trường sẽ trở nên ít an toàn hơn đối với động vật.

Lisa: Tôi thấy ... Tôi có thể yêu cầu một số người bạn tham gia với chúng tôi không?

Ông Willis: Chắc chắn. Càng nhiều càng tốt.

2. Decide whether the following statements are true (T), false (F), or not given (NG). Tick the correct box.

(Quyết định xem các nhận định sau đây là đúng (T), sai (F), hoặc không xác định (NG). Đánh dấu vào ô thích hợp.)

1. T 2. F 3. NG 4. T 5. T 6. F

3. Find a word in the conversation that goes with each of the following phrases or expressions.

(Tìm một từ trong cuộc trò chuyện mà đi với mỗi cụm từ hoặc các biểu thức sau đây.)

1. extinct 2. extinction 3. endangered 4. build

4. Read the conversation again and write the correct form of the verbs in brackets.

(Đọc cuộc trò chuyện một lần nữa và viết đúng mẫu của động từ trong ngoặc đơn.)

1. (I)'ll/will have gathered.
2. (We)'ll/will have walked.